

Bản án số: **123/2023/DS-ST**
Ngày: 09/10/2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.
2. Ông Nguyễn Tường Bích.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Trần Minh Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Quý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 129/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Dương Phước L**, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Chợ, xã TL, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

* Bị đơn: **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Sân Banh, xã TL, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Bà L1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 04/8/2023.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Lê Văn C, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Sân Banh, xã TL, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2023, đơn yêu cầu thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Dương Phước L trình bày:

Đầu năm 2019, ông L có tham gia chơi hụi do bị đơn Nguyễn Thị L1 làm chủ hụi, trong quá trình tham gia chơi hụi, ông L đóng hụi sống đầy đủ, tuy nhiên sau đó bị đơn Nguyễn Thị L1 bị vỡ hụi. Sau khi ông L và bà Nguyễn Thị L1 ngồi lại bàn tính cụ thể số tiền hụi thì bà L1 còn thiếu ông L số tiền hụi là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Việc bà L1 làm chủ hụi nhằm tìm kiếm lợi nhuận và phát triển kinh tế gia đình, đồng thời ông Lê Văn C (Chồng bà L1) biết việc bà L1 tham gia làm chủ hụi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L vẫn giữ nguyên quan điểm tại đơn yêu cầu thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2023, cụ thể ông Dương Phước L yêu cầu Tòa án xét xử buộc bà Nguyễn Thị L1 và ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông L số tiền nợ hụi còn thiếu là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng), ông L không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

(Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy nhận nợ, bút lục số 04)

* Tại bản tự khai ngày 04/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị L1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị L1 thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của ông Dương Phước L. Bà L1 có làm chủ hụi và ông L có tham gia chơi hụi của bà L1, đồng thời bà L1 còn thiếu ông L số tiền hụi là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng), tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, người khác thiếu tiền bà L1 nhưng không trả nên bà không có tiền hoàn trả cho ông L. Bà đồng ý hoàn trả cho ông L số tiền hụi còn thiếu là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Mục đích bị đơn Nguyễn Thị L1 làm chủ hụi là nhằm tạo ra lợi nhuận, phát triển kinh tế gia đình, lấy tiền lời phục vụ sinh hoạt gia đình. Bà Nguyễn Thị L1 và ông C có đăng ký kết hôn năm 1987 tại Ủy ban nhân dân xã TL. Hiện tại, cuộc sống hôn nhân giữa bà với ông C bình thường. Việc bà Nguyễn Thị L1 làm chủ hụi, ông C có biết, tuy nhiên mỗi lần bà Nguyễn Thị L1 nhờ ông C đi góp hụi, bà L1 đều phải trả tiền công cho ông C 150.000 đồng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng ông C từ chối tham gia tố tụng, vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ hay yêu cầu gì thể hiện quan điểm của ông C trong vụ án.

mất khả năng thanh toán cho nguyên đơn Dương Phước L là vi phạm Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu phườg. Bị đơn Nguyễn Thị L1 đã thừa nhận còn thiếu lại nguyên đơn Dương Phước L số tiền hủi và tiền vay là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) phù hợp với “Giấy nhận nợ” tại bút lục 03, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Dương Phước L về việc yêu cầu hoàn trả lại số tiền hủi 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu buộc ông Lê Văn C có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

Căn cứ theo Giấy kết hôn giữa bà L1 và ông C thể hiện có đăng ký kết hôn vào năm 1988 nên bà L1 và ông C là vợ chồng hợp pháp, hiện vẫn sống chung với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: mục đích bà L1 làm chủ hủi, vay tiền để phụ lo sinh hoạt trong gia đình với ông C và nợ chung này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nên buộc ông C có nghĩa vụ liên đới trả nợ với bà Nguyễn Thị L1 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về lãi suất:

Ghi nhận việc ông Dương Phước L tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền nêu trên.

[6] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BD về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của ông Dương Phước L được chấp nhận toàn bộ, nên bà Nguyễn Thị L1 và ông Lê Văn C phải liên đới chịu án phí với số tiền là: 170.000.000 đồng x 5% = 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 471, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu phườg.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Phước L đối với bà Nguyễn Thị L1, ông Lê Văn C về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Buộc bà Nguyễn Thị L1 và ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Dương Phước L số tiền nợ hội là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Dương Phước L không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

2.1. Bà Nguyễn Thị L1 và ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

2.2. Ông Dương Phước L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.250.000 đồng (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005046 ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn ông Dương Phước L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã TL;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Đăng Phi

